AT8SDN Series

DIN W48 x H48mm Bộ đặt thời gian Sao - Tam Giác

▣Đặc điểm

- Vận hành với dải nguồn cấp rộng:
  24 - 240VAC 50/60Hz / 24 - 240VDC, 12VDC
- Đây là model được nâng cấp từ series AT8SD
- Dải thời gian cài đặt và switch thời gian rộng
  - T1 (Thời gian cài đặt): Lựa chọn 5, 10, 50, 100giây
  - T2 (Switching thời gian): Lựa chọn 0.05, 0.1, 0.2, 0.3, 0.4, 0.5giây
- Dễ dàng cài đặt thời gian, switching thời gian ở mặt trước
- Có chỉ thị LED bên trong cho trạng thái ngõ ra
- Ứng dụng: Các motor có công suất khởi động lớn

⚠ Please read "Caution for your safety" in operation manual before using.

CE c UL us

▣Thông tin đặt hàng

AT 8 SDN

SDN	Loại Sao - Tam Giác mới
8	Loại plug 8 chân
AT	Bộ đặt thời gian Analog

▣Thông số kỹ thuật

※Phần tô đậm (▭) là chức năng được nâng cấp

Model		**AT8SDN**
Chức năng		Bộ đặt thời gian Sao - Tam Giác
Dải cài đặt thời gian điều khiển		0.5giây - 100giây (Thời gian Max.)
Nguồn cấp		**24-240VAC 50/60Hz** / 24-240VDC, 12VDC
Dải điện áp cho phép		90 - 110% điện áp định mức
Công suất tiêu thụ		Khoảng. 2.8VA (24-240VAC 60Hz), Khoảng. 1.3W (24-240VDC), Khoảng. 0.5W (12VDC)
Thời gian trở về		Max. 100ms
Loại hoạt động		Loại Power ON Start
Ngõ ra điều khiển	Loại tiếp điểm	Tiếp điểm ⅄: SPST (1a), Tiếp điểm Δ: SPST (1a)
	Công suất tiếp điểm	250VAC 3A với tải có điện trở
Tuổi thọ Relay	Cơ khí	Min. 10,000,000 lần
	Điện	Min. 100,000 lần (250VAC 3A tải có điện trở)
Lỗi lặp lại		Max. ±0.3%
Lỗi cài đặt ⅄		Max. ±5% ±0.05sec.
Lỗi điện áp		Max. ±0.5%
Lỗi nhiệt độ		Max. ±2%
Lỗi Switching thời gian Δ		±25%
Điện trở cách điện		100MΩ (at 500VDC)
Độ bền điện môi		2000VAC 50/60Hz trong 1 phút
Độ bền chống nhiễu		±2kV nhiễu sóng vuông (độ rộng xung: 1μs) bởi nhiễu do máy móc
Chấn động	Cơ khí	0.75mm biên độ tần số 10 - 55Hz trên mỗi phương X, Y, Z trong 1 giờ
	Sự cố	0.5mm biên độ tần số 10 - 55Hz trên mỗi phương X, Y, Z trong 10 phút
Va chạm	Cơ khí	300m/s² (Khoảng. 30G) trên mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần
	Sự cố	100m/s² (Khoảng. 10G) trên mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần
Nhiệt độ môi trường		−10 ~ 55℃ (ở trạng thái không đông)
Nhiệt độ lưu trữ		−25 ~ 65℃ (ở trạng thái không đông)
Độ ẩm môi trường		35 ~ 85%RH
Tiêu chuẩn		CE c UL us
Trọng lượng		Khoảng. 100g

▣Sơ đồ kết nối

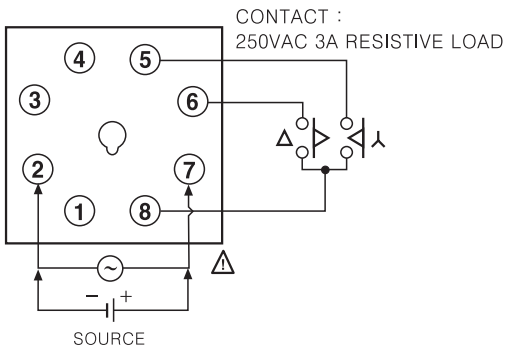

▣Kích thước

●Giá đỡ

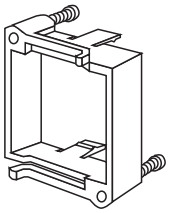

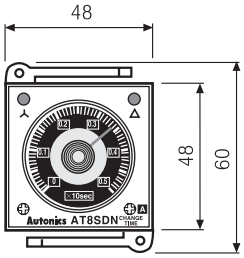

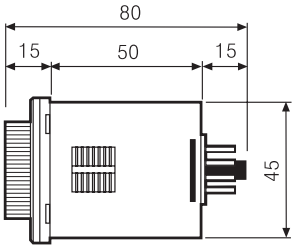

●Mặt cắt

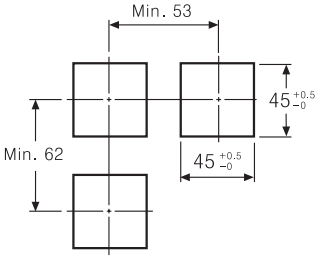

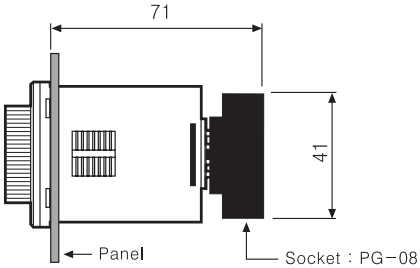

Đơn vị: mm

▣Định dạng mặt trước

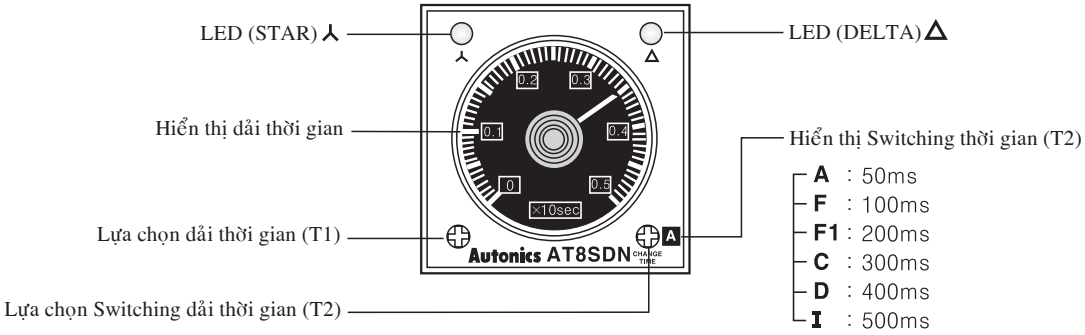

■ Thông số kỹ thuật về thời gian

1. T1 (Thời gian cài đặt)

Dải thời gian	Đơn vị thời gian	Dải cài đặt thời gian
0.5	×**10sec**	0.5 ~ 5sec
1.0		1 ~ 10sec
5		5 ~ 50sec
10		10 ~ 100sec

2. T2 (Switching thời gian)

(Đơn vị: mm)

Hiển thị	A	F	F1	C	D	I
Switching thời gian T2	50	100	200	300	400	500

■ Hoạt động

Khi nguồn được cấp, tiếp điểm ⅄ sẽ ON. Khi đạt tới thời gian cài đặt T1, tiếp điểm ⅄ sẽ OFF và tiếp điểm △ sẽ ON sau khi switching thời gian của T2 đã trôi qua. Nếu nguồn là OFF, tiếp điểm ⅄ sẽ OFF.

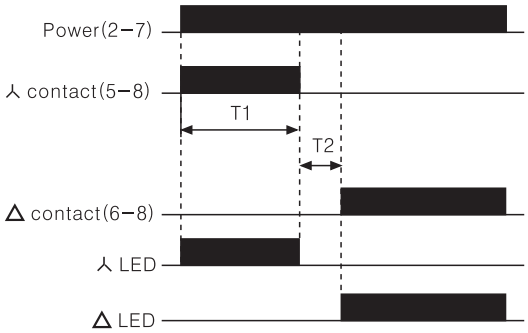

※ T1: Thời gian cài đặt (Thời gian tiếp điểm ⅄ hoạt động)
※ T2: Switching thời gian (Tiếp điểm ⅄ và tiếp điểm △ là OFF đồng thời lúc nguồn ON)

■ Hướng dẫn sử dụng

1. Hãy cấp nguồn thật nhanh cùng một lần sử dụng switch và tiếp điểm relay. Nếu không thì nó có thể gây lỗi thời gian hoặc hỏng nguồn reset.
2. Tuổi thọ sản phẩm có thể bị ngắn lại do sự phát sinh nhiệt khi cấp dòng điện trong nhiều giờ.
3. Hãy chú ý cực nguồn khi nguồn cấp là loại nguồn DC.
4. Hãy sử dụng nó giống như (Hình. 2) theo trình tự để không có dòng điện rò chạy vào bộ đặt thời gian, thì kết nối điện trở và tụ điện.

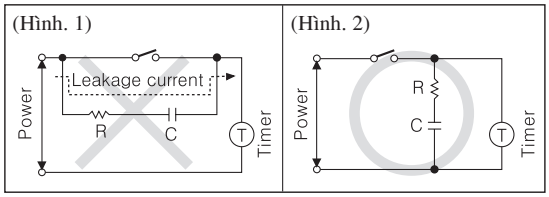

5. Không thay đổi thời gian cài đặt (T1), dải thời gian, switching thời gian (T2) trong khi đang hoạt động định thời.
6. Môi trường
   Hãy tránh những nơi sau đây:
   - Nơi sản phẩm này có thể bị hư hỏng do chấn động hoặc va chạm mạnh.
   - Nơi có khí ăn mòn hoặc khí dễ cháy và nước, dầu, bụi bặm tồn tại.
   - Nơi có nhiễu điện và điện từ xảy ra.
   - Nơi có nhiệt độ và độ ẩm cao vượt quá thông số kỹ thuật định mức.
   - Nơi có độ kiềm và axít mạnh.
   - Nơi có tia sáng mặt trời chiếu trực tiếp.